

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ 29/09/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 142 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/03/2016, từ trang 03 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0670-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.757.735.155	47.802.756.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.345.471.213	2.275.975.653
1. Tiền	111		1.345.471.213	2.275.975.653
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.914.370.848	23.666.464.823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.526.669.208	4.525.664.823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.366.263.250	15.490.800.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.800.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		20.375.999	3.650.000.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(798.937.609)	-
III. Hàng tồn kho	140	9	26.188.835.365	21.000.051.082
1. Hàng tồn kho	141		26.188.835.365	21.000.051.082
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.309.057.729	860.264.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.303.244.760	434.498.184
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.812.969	425.766.719
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.310.458.894	15.560.972.975
I. Tài sản cố định	220		16.752.453.004	15.362.817.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.752.453.004	15.362.817.046
- Nguyên giá	222		22.796.537.801	20.102.740.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.044.084.797)	(4.739.923.882)
II. Tài sản dài hạn khác	260		558.005.890	198.155.929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	540.671.674	198.155.929
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		17.334.216	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		67.068.194.049	63.363.729.436

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.227.854.022	7.707.927.395
I. Nợ ngắn hạn	310		9.227.854.022	7.707.927.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	7.304.061.102	6.281.703.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		162.000.000	555.106.596
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.432.408.080	802.505.186
4. Phải trả người lao động	314		192.000.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		137.384.840	68.611.660
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.840.340.027	55.655.802.041
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	57.840.340.027	55.655.802.041
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.500.000.000	52.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.340.340.027	3.155.802.041
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.155.802.041	2.436.896.672
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.184.537.986	718.905.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		67.068.194.049	63.363.729.436



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		74.470.822.510	20.787.217.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	74.470.822.510	20.787.217.911
4. Giá vốn hàng bán	11	17	63.434.620.945	16.523.567.043
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.036.201.565	4.263.650.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.731.572	1.147.467
7. Chi phí bán hàng	25	18	3.009.073.988	1.459.281.027
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	4.950.622.515	1.803.547.626
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		3.079.236.634	1.001.969.682
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		254.879.785	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(254.879.785)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.824.356.849	1.001.969.682
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	657.153.079	283.064.313
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(17.334.216)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.184.537.986	718.905.369
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	416	149



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.824.356.849	1.001.969.682
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.470.398.237	1.323.241.105
- Các khoản dự phòng	03	798.937.609	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	72.978.606	(1.147.467)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.166.671.301	2.324.063.320
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.173.110.116	(12.698.257.979)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.188.784.283)	(3.425.699.839)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	862.773.548	1.677.503.164
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.211.262.321)	134.170.095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.802.508.361	(11.988.221.239)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.035.744.373)	(4.391.301.985)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.800.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.731.572	1.147.467
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.733.012.801)	(4.390.154.518)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	17.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	17.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(930.504.440)	1.121.624.243
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.275.975.653	1.154.351.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.345.471.213	2.275.975.653



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2015 là 52.500.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 120 người (tại 31 tháng 12 năm 2014 là 143 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Mẹ là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh xe gắn máy

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

6 -
TY
HỮU H
ĐẢN
O
TP. V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại với mục đích so sánh như tại thuyết minh số 25 - Số liệu so sánh.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá tất cả các khoản nợ phải thu đều có khả năng thu hồi, không có khoản nào khó đòi cần phải trích lập dự phòng theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	14-19
Máy móc thiết bị	8-14
Phương tiện vận tải	7-10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lốp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành từ 6 tháng đến 36 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.313.674.017	2.268.670.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.797.196	7.305.276
Cộng	<u>1.345.471.213</u>	<u>2.275.975.653</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>17.526.669.208</u>	<u>4.525.664.823</u>
Công ty CP ĐTXD và Thiết kế Phú Thăng Long	2.797.589.400	1.493.787.500
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty TNHH Thiên An Sơn	4.418.458.724	460.138.719
Nguyễn Huy Hoàng	1.415.000.000	-
Các đối tượng khác	7.594.521.081	1.270.638.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	650.550.001	1.301.100.003	1.301.100.003	01 năm
Công ty TNHH Thành Thiêm	63.810.595	31.905.298	63.810.595	63.810.595	01 năm
Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	232.964.620	116.482.310	232.964.620	232.964.620	01 năm
Cộng	1.597.875.218	798.937.609	1.597.875.218	1.597.875.218	

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-
- Các khoản cho vay cá nhân	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-

Khoản cho vay cá nhân Nguyễn Thị Hương với lãi suất 5,5%/năm theo số hợp đồng 01-2015/VSUDEV ngày 03 tháng 08 năm 2015, thời hạn vay 06 tháng và không có tài sản đảm bảo.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	992.206.100	-	1.506.424.211	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	9.923.011.892	-	15.064.423.215	-
Hàng hóa	15.273.617.373	-	4.429.203.656	-
Cộng	26.188.835.365	-	21.000.051.082	-

Ghi chú: (i) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến quý 1/2016, sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.303.244.760	434.498.184
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	1.303.244.760	434.498.184
b) Dài hạn	540.671.674	198.155.929
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	540.671.674	198.155.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
01/01/2015	11.845.368.754	2.876.147.186	5.381.224.988	20.102.740.928
- Mua trong năm	-	-	1.735.415.454	1.735.415.454
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.300.328.919	-	-	1.300.328.919
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
31/12/2015	13.145.697.673	2.876.147.186	6.774.692.942	22.796.537.801
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2015	1.488.929.754	1.284.040.556	1.966.953.572	4.739.923.882
- Khấu hao trong năm	655.485.402	245.233.716	569.679.119	1.470.398.237
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(166.237.322)	(166.237.322)
31/12/2015	2.144.415.156	1.529.274.272	2.370.395.369	6.044.084.797
Giá trị còn lại				
01/01/2015	10.356.439.000	1.592.106.630	3.414.271.416	15.362.817.046
31/12/2015	11.001.282.517	1.346.872.914	4.404.297.573	16.752.453.004

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	7.304.061.102	7.304.061.102	6.281.703.953	6.281.703.953
Công ty CPTM XNK	2.750.032.745	2.750.032.745	-	-
Xăng dầu Đại Dương				
Công ty TNHH ô tô và thiết bị Thiên Trường Long	930.000.000	930.000.000	-	-
Công ty CP Nhật Hưng	680.350.000	680.350.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dũng Hiền	550.000.000	550.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Thanh	471.260.100	471.260.100	-	-
Đối tượng khác	1.922.418.257	1.922.418.257	6.281.703.953	6.281.703.953

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	182.247.154	272.749.815	300.000.000	154.996.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp	615.681.191	657.153.079	-	1.272.834.270
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	-	-	4.576.841
Cộng	802.505.186	929.902.894	300.000.000	1.432.408.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	52.500.000.000	2.436.896.672	54.936.896.672
Lãi / (lỗ) trong năm	-	718.905.369	718.905.369
Số dư tại ngày 31/12/2014	52.500.000.000	3.155.802.041	55.655.802.041
Lãi / (lỗ) trong năm	-	2.184.537.986	2.184.537.986
Số dư tại ngày 31/12/2015	52.500.000.000	5.340.340.027	57.840.340.027

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động – Bộ phận sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Bộ phận kinh doanh mua bán xe gắn máy. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 02 bộ phận kinh doanh như sau:

Bộ phận sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: Sản xuất gạch, khai thác đất, đá, cát, sỏi, và buôn bán vật liệu xây dựng. Dịch vụ vận chuyển vật liệu xây dựng.

Bộ phận kinh doanh mua bán xe gắn máy: Buôn bán xe gắn máy các loại.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31/12/2015	Sản xuất, kinh doanh	Kinh doanh xe gắn máy	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	57.891.398.421	9.176.795.628	67.068.194.049
Tổng tài sản hợp nhất			67.068.194.049
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	9.160.796.096	67.057.926	9.227.854.022
Tổng nợ phải trả hợp nhất			9.227.854.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Năm 2015	Sản xuất, kinh doanh	Kinh doanh xe gắn máy	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	68.260.482.653	6.210.339.857	74.470.822.510
Tổng doanh thu	68.260.482.653	6.210.339.857	74.470.822.510
Kết quả hoạt động kinh doanh			-
Giá vốn	57.719.390.945	5.715.230.000	63.434.620.945
Lãi gộp	10.541.091.708	495.109.857	11.036.201.565
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý			7.959.696.503
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.076.505.062
Lãi (lỗ) khác			(254.879.785)
Doanh thu tài chính			2.731.572
Chi phí tài chính			-
Lợi nhuận trước thuế			2.824.356.849
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			657.153.079
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(17.334.216)
Lợi nhuận trong năm			2.184.537.986

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Thái Bình, Hà Nội, Hòa Bình. Hoạt động sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng được đặt tại Thái Bình và Hòa Bình. Hoạt động kinh doanh mua bán xe gắn máy ở Hà Nội.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2015 VND
Thái Bình, Hòa Bình	68.260.482.653
Hà Nội	6.210.339.857
	74.470.822.510

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận	Tăng tài sản cố định hữu hình, vô hình
	31/12/2015 VND	31/12/2015 VND
Thái Bình, Hòa Bình	16.752.453.004	3.035.744.373
Hà Nội	-	-
	16.752.453.004	3.035.744.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	43.914.371.768	11.358.571.324
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.556.450.742	9.428.646.587
Cộng	<u>74.470.822.510</u>	<u>20.787.217.911</u>

17. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	37.073.264.661	8.925.871.295
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	26.361.356.284	7.597.695.748
Cộng	<u>63.434.620.945</u>	<u>16.523.567.043</u>

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	2.661.860.746	480.119.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	337.048.762	736.975.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	964.480	242.185.973
Chi phí bằng tiền khác	9.200.000	-
Cộng	<u>3.009.073.988</u>	<u>1.459.281.027</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.544.509.200	701.766.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	911.701.693	262.515.506
Chi phí khấu hao TSCĐ	346.902.391	274.440.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.227.811	443.950.186
Chi phí dự phòng	798.937.609	-
Chi phí bằng tiền khác	596.343.811	120.874.952
Cộng	<u>4.950.622.515</u>	<u>1.803.547.626</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.377.128.076	12.177.685.122
Chi phí nhân công	11.417.105.958	1.973.138.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.470.398.237	1.337.047.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.304.962.171	2.250.203.474
Dự phòng	798.937.609	-
Chi phí khác bằng tiền	605.543.811	120.874.952
Cộng	<u>34.974.075.862</u>	<u>17.858.948.902</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	1.955.678.525	1.286.655.970
Thu nhập chịu thuế	1.955.678.525	1.286.655.970
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty mẹ	430.249.276	283.064.313
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	1.134.519.012	(88.988.273)
Thu nhập chịu thuế	1.134.519.012	(88.988.273)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty con	226.903.803	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hợp nhất	657.153.079	283.064.313

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.186.271.409	718.905.369
Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.250.000	4.808.904
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	416	149
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2015. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2014, Công ty không chia quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.345.471.213)	(2.275.975.653)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	57.840.340.027	55.655.802.041
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.345.471.213	2.275.975.653	1.345.471.213	2.275.975.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.548.107.598	4.525.664.823	18.548.107.598	4.525.664.823
Cộng	19.893.578.811	6.801.640.476	19.893.578.811	6.801.640.476
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	7.441.445.942	6.350.315.613	7.441.445.942	6.350.315.613
Cộng	7.441.445.942	6.350.315.613	7.441.445.942	6.350.315.613

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2015		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.345.471.213	1.345.471.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.548.107.598	18.548.107.598
Cộng	19.893.578.811	19.893.578.811
31/12/2015		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.441.445.942	7.441.445.942
Cộng	7.441.445.942	7.441.445.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	12.452.132.869	12.452.132.869
01/01/2015		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.275.975.653	2.275.975.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.525.664.823	4.525.664.823
Cộng	6.801.640.476	6.801.640.476
01/01/2015		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.350.315.613	6.350.315.613
Cộng	6.350.315.613	6.350.315.613
Chênh lệch thanh khoản thuần	451.324.863	451.324.863

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty không có giao dịch và không có số dư nào với các bên liên quan, ngoại trừ phần thu nhập của Ban Giám đốc dưới đây:

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Lương và thu nhập ban giám đốc	416.600.000	279.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo tại	Phân loại lại	Số sau phân loại tại
	31/12/2014		01/01/2015
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	-	3.650.000.000	(3.650.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	3.650.000.000	-	3.650.000.000



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

Số: 01/2016/TTZ-TCKT

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và
sau kiểm toán trong BCTC hợp nhất năm 2015.

Thái bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 1.6, Điều 11, Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình sự chênh lệch trong số liệu trước và sau kiểm toán tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: vnd

STT	Chỉ tiêu thay đổi trên bảng cân đối kế toán	Mã chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.424.391.213	1.345.471.213	(2.078.920.000)
2	Hàng tồn kho	140	27.477.223.232	26.188.835.365	(1.288.387.867)
3	Tài sản ngắn hạn khác	150	1.791.948.461	1.309.057.729	(482.890.732)
4	Tài sản dài hạn	200	17.034.822.100	17.312.192.316	277.370.216
5	Giá vốn bán hàng	11	62.033.571.440	63.434.620.945	1.401.049.505
6	Chi phí bán hàng	24	2.937.347.344	3.009.073.988	71.726.644
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.813.407.667	4.950.622.515	(1.862.785.152)
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	60	2.629.649.646	2.186.271.409	(443.378.237)



Nguyên nhân:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền giảm số tiền 2.078.920.000 đồng do: Công ty hạch toán chưa đúng bút toán khoản tiền chi phí nhân công trực tiếp nên phải thực hiện ghi nhận lại khoản tiền này.

+ Hàng tồn kho giảm số tiền: 1.288.387.867 đồng do công ty hạch toán thiếu, sót khoản tiền hoàn ứng xây dựng công trình nhà máy gạch.

+ Tài sản ngắn hạn khác giảm số tiền: 482.890.732 đồng do hạch toán nhầm sang tài sản dài hạn là 277.370.216 đồng; khoản 205.520.516 đồng do hạch toán thiếu nên phải thực hiện bút toán điều chỉnh.

+ Tài sản dài hạn tăng số tiền: 277.370.216 đồng do hạch toán nhầm sang tài sản ngắn hạn nên phải thực hiện điều chỉnh bút toán.

+ Giá vốn hàng bán tăng số tiền 1.401.049.505 đồng do: Hạch toán thiếu các khoản chi phí chi phí nhân công trực tiếp (như giải trình ở trên).

+ Chi phí bán hàng tăng số tiền 71.726.644 đồng do kế toán hạch toán thiếu phân bổ khấu hao tài sản ngắn hạn.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm số tiền: 1.862.785.152 đồng do công ty hạch toán thừa chi phí khấu hao tài sản dài hạn và khoản trích lập dự phòng.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm số tiền: 443.378.237 đồng là do kế toán hạch toán thiếu các khoản chi phí nhân công trực tiếp nên phải điều chỉnh bút toán làm chi phí tăng lên.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**

GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Ty